TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HS-ST
Ngày 26 - 8 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hải Quân và ông Vi Lê Văn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đàm Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Trương Minh P, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1991 tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn V (đã chết) và bà Triệu Lệ S (đã chết); vợ: Vy Thị Thương T, sinh năm 1989; con: Chưa có; tiền án: Có 01 tiền án, tại bản án số: 50/2019/HS-ST, ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt 06 tháng tù cho hướng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội Đánh bạc, ngày 22/8/2020 chấp hành xong bản án; tiền sự: Không có; nhân thân: Có 01 tiền án.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 3 năm 2021 đến nay. Có mặt.

2. Lương Văn T, sinh ngày 07 tháng 6 năm 1984 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn C (đã chết) và bà Trần Thị K, sinh năm 1958; vợ: Hoàng Thị C, sinh năm 1985 (đã ly hôn); con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/4/2021. Có mặt.

3. Trương Thị N, sinh ngày 11 tháng 12 năm 1971 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 07/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Ngọ (đã chết) và bà Lý Thị Ót (đã chết); chồng: Lăng Văn T, sinh năm 1974; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2021 đến ngày 01/4/2021 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Linh Tiên H, sinh ngày 18 tháng 6 năm 1983 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Linh Văn C (đã chết) và bà Triệu Thị T, sinh năm 1962; vợ: Lý Thị H, sinh năm 1986; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/4/2021. Có mặt.

5. Nông Văn T1, sinh ngày 11 tháng 01 năm 1991 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn P, sinh năm 1950 và bà Triệu Thị O (đã chết); vợ: Linh Thị D, sinh năm 1993; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Có 01 tiền án, tại bản án số: 50/2018/HSST ngày 16/7/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 05 năm về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, hiện chưa chấp hành xong thời gian thử thách; tiền sự: Không có; nhân thân: Có 01 tiền án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/4/2021 đến nay. Có mặt.

6. Nguyễn Tiến M, sinh ngày 07 tháng 5 năm 1985 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 và bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1962; vợ: Lộc Thu P, sinh năm 1985; con: Có 01 con sinh năm 2006; tiền án: Có 01 tiền án, tại bản án số: 50/2019/HS-ST, ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt 06 tháng tù cho hướng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội Đánh bạc, ngày 22/8/2020 chấp hành xong bản án; tiền sự: Không có; nhân thân: Có 01 tiền án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/4/2021 đến nay. Có mặt.

7. Nông Văn T2, sinh ngày 26 tháng 5 năm 1992 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T1, sinh năm 1967 và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1967; vợ: Hoàng Thị S2, sinh năm 1992; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án: Có 01 tiền án, tại bản án số: 50/2019/HS-ST, ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng về tội Đánh bạc, ngày 22/02/2021 chấp hành xong bản án; tiền sự: Không có; nhân thân: Có 01 tiền án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/4/2021 đến nay. Có mặt.

8. Giang Văn Đ, sinh ngày 19 tháng 4 năm 1972 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giang Văn L (đã chết) và bà Hoàng Thị M, sinh năm 1945; vợ: Triệu Thị T, sinh năm 1991 (vợ thứ 3, đã ly hôn); con: Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân:

- Ngày 30/10/2007, tại bản án số: 56/2007/HSST, bị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Đánh bạc. Trong khi chờ xét xử phúc thẩm bị cáo tiếp tục phạm tội, ngày 06/3/2008, tại bản án số: 21/2008/HSPT, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo thành 09 tháng tù giam.

- Ngày 12/9/2008, tại bản án số: 52/2008/HSST, bị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xử phạt 10 tháng tù về tội Đánh bạc, tổng hợp bản án số: 21/2008/HSPT, ngày 06/3/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 19 tháng tù.

- Ngày 05/3/2009, tại bản án số: 18/2009/HSST, bị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xử phạt 15 tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp bản án số: 21/2008/HSPT, ngày 06/3/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và bản án số: 52/2008/HSST, ngày 12/9/2008 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung là 02 năm 10 tháng tù. Đến ngày 29/8/2010 đã chấp hành xong hình phạt tù, tháng 4/2018 chấp hành xong phần án phí và tiền phạt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2021 đến ngày 01/4/2021 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

9. Lương Văn N, sinh năm 15 tháng 12 năm 1986, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Mạnh Q (đã chết) và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1945; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2016/HSST, ngày 19/4/2016 của Tòa án

nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tuyên miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lương Văn N đối với hành vi đánh bạc của bị cáo do chính sách hình sự mới nhân đạo của Nhà nước.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/4/2021. Có mặt.

10. Lê Thị K, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1961 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 06/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ (đã chết) và bà Hoàng Thị K (đã chết); Chồng: Triệu Văn L, sinh năm 1962; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2021 đến ngày 01/4/2021 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

11. Chu Thị H, sinh ngày 22 tháng 5 năm 1985 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 04/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không có thông tin về bố đẻ và bà Chu Thị P, sinh năm 1965; Chồng: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2021 đến ngày 01/4/2021 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

12. Linh Văn D, sinh ngày 17 tháng 01 năm 1990 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Linh Văn T (đã chết) và bà Chu Thị L, sinh năm 1967; Vợ: Lê Thị N, sinh năm 1995; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2021 đến ngày 01/4/2021 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

13. Hoàng Thị K, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1948 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 0/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn C (đã chết) và bà Phùng Thị C (đã chết); Chồng: Chu Văn T, sinh năm 1951 (đã chết); con: Có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất sinh năm 1979; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2021 đến ngày 01/4/2021 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

14. Đàm Thị B, sinh ngày 17 tháng 12 năm 1977 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 05/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đàm Văn I (đã chết) và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1942; Chồng: Chu Văn T, sinh năm 1979; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2021 đến ngày 01/4/2021 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

15. Nông Văn V, sinh ngày 27 tháng 5 năm 1984 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn P, sinh năm 1950 và bà Triệu Thị O (đã chết); Vợ: Hoàng Thị P, sinh năm 1994; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cứ trú từ ngày 08/4/2021 đến ngày 22/8/2021, bị cáo bị bắt tạm giam về hành vi đánh bạc trong vụ án khác. Có mặt.

16. Chu Văn B, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1983 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Văn P, sinh năm 1955 và bà Đàm Thị C (đã chết); Vợ: Linh Thị H, sinh năm 1984; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/5/2021 đến nay. Có mặt.

17. Phùng Thị L, sinh ngày 18 tháng 7 năm 1971 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 04/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phùng Văn X (đã chết) và bà Lâm Thị A, sinh năm 1942; Chồng: Chu Văn H, sinh năm 1969; con: Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/4/2021. Có mặt.

18. Lâm Thị T, sinh ngày 18 tháng 7 năm 1980 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 05/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lâm Văn Q, sinh năm 1958 và bà Lý Thị N, sinh năm 1958; Chồng: Chu Văn N, sinh năm 1979; con: Có 02 con, con

lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2009 ; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/4/2021. Có mặt.

19. Hoàng Thị T, sinh ngày 17 tháng 8 năm 1976 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 01/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn S, sinh năm 1944 và bà Phạm Thị K, sinh năm 1944; Chồng: Triệu Văn T, sinh năm 1979; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/4/2021. Có mặt.

20. Chu Thị N, sinh ngày 06 tháng 11 năm 1975 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 01/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Văn T (đã chết) và bà Hoàng Thị K, sinh năm 1948; Chồng: Hoàng Văn T, sinh năm 1981; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/4/2021. Có mặt.

21. Đàm Thị C, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1965 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 01/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đàm Văn A (đã chết) và bà Hoàng Thị K (đã chết); Chồng: Chu Văn C, sinh năm 1962 (đã chết); con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/4/2021. Có mặt.

22. Triệu Thị M, sinh ngày 19 tháng 12 năm 1964 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 06/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Văn T (đã chết) và bà Hoàng Thị T (đã chết); Chồng: Đàm Văn S (đã chết); con: Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/6/2021 đến ngày 07/7/2021 thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Triệu Văn K, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Ông Lăng Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/3/2021, Lương Văn T đến quán bán hàng cũng là nhà ở của Trương Minh P tại thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn chơi. Lương Văn T nảy sinh ý định tổ chức cho người khác đánh bạc để thu tiền phế, hưởng lợi nên rủ Trương Minh P góp tiền mua dụng cụ để tổ chức đánh bạc, P đồng ý. Trương Minh P đưa cho Lương Văn T 120.000 đồng, T bỏ ra 80.000 đồng để mua dụng cụ đánh bạc gồm 02 chiếc bạt, 01 chiếc bát, 01 chiếc đĩa sứ, 01 chiếc kéo và bút lông. Dụng cụ đánh bạc được để tại quán bán hàng của gia đình Trương Minh P; Lương Văn T lấy một thanh tre làm 08 quân vị để chuẩn bị cho việc tổ chức đánh bạc. Trương Minh P chọn địa điểm, thời gian tổ chức đánh bạc, thu tiền phế của những người đến đánh bạc và phân công Lương Văn T mang dụng cụ đến địa điểm đánh bạc, trải bạt, chuẩn bị để phục vụ việc đánh bạc và cùng với P thu tiền phế. Mức tiền phế thu của mỗi người đánh bạc do Trương Minh P quy định là 40.000 đồng, đối với những người đánh ít có thể không thu.

Ngày 24/3/2021, Trương Minh P bảo Lương Văn T rủ thêm Linh Tiên H tham gia làm cảnh giới, trông đường cho P và Lương Văn T. Số tiền phế thu được của mỗi buổi sẽ trả cho Linh Tiên H 200.000 đồng, còn lại P và T chia đôi. Lương Văn T đến gặp Linh Tiên H, thỏa thuận về việc H trông đường cho P và T tổ chức đánh bạc, khi phát hiện cơ quan chức năng sẽ gọi điện thoại báo cho T biết, H đồng ý.

Trong các buổi chiều ngày 24 và 25/3/2021, Trương Minh P, Lương Văn T và Linh Tiên H đã tổ chức đánh bạc cho khoảng hơn 10 người tại bãi trồng cây bưởi của bị cáo Trương Thị N ở Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Trong đó, Trương Minh P gọi điện cho Chu Thị H đến đánh bạc, những người khác biết có đánh bạc đã tự đến tham gia, P không nhớ cụ thể những ai; khi đánh bạc Trương Minh P trực tiếp ngồi xóc cái, sử dụng tiền của mình đánh bạc cùng những người khác. Ngày 25/3/2021, Trương Thị N cũng có mặt tại địa điểm đánh bạc, tuy nhiên, không có lời nói, hành động gì ngăn cản. Do địa điểm đánh bạc thuộc quyền quản lý của Trương Thị N nên Trương Minh P đã cho Trương Thị N 100.000 đồng từ số tiền Phú sử dụng đánh bạc. Số tiền phế thu được ngày 24/3/2021 là 500.000 đồng, trong đó Linh Tiên H được chia 200.000 đồng, Trương Minh P và Lương Văn T mỗi người được hưởng 150.000 đồng. Số tiền phế thu được ngày 25/3/2021 là 600.000 đồng, P, T và H mỗi người được hưởng 200.000 đồng.

Trưa ngày 26/3/2021, Trương Minh P và Lương Văn T đang ở quán của P thì có Giang Văn Đ đi qua nên P gọi vào rủ Đ tham gia đánh bạc, Đ đồng ý. Giang Văn Đ nhận bảng vị nên Lương Văn T kẻ bảng vị bằng bìa cát tông cho Đ rồi gọi điện

cho H bảo đi lên đoạn đường ngã ba thôn L, xã C nơi rẽ vào khu vực tổ chức đánh bạc để trông đường. Sau đó, P, T, Đ cùng mang dụng cụ đánh bạc đến bãi đất trồng cây bưởi của gia đình bị cáo Trương Thị N để tổ chức đánh bạc. Đến nơi, T rải bạt, lấy bát đĩa, quân vị ra để chuẩn bị đánh bạc. Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 26/3/2021, thấy đã có đông người, Trương Minh P đưa cho Lương Văn T số tiền 5.020.000 đồng của P để T làm "hồ lỳ", giúp P thu và trả tiền cho những người đánh bạc, sau đó Trương Minh P xóc cái, Giang Văn Đ cầm bảng vị đánh bạc với mọi người.

Những người tham gia đánh bạc gồm Trương Thị N, Nông Văn T1, Nguyễn Tiến M, Nông Văn T2, Giang Văn Đ, Lương Văn N, Lê Thị K, Chu Thị H, Linh Văn D, Hoàng Thị K, Đàm Thị B, Nông Văn V, Chu Văn B, Phùng Thị L, Lâm Thị T, Hoàng Thị T, Chu Thị N, Đàm Thị C, Triệu Thị M. Quá trình đánh bạc, Trương Minh P bị thua hết tiền nên đã hỏi và được Lê Thị K cho vay 4.000.000 đồng, để đánh bạc, số tiền trên nằm trong số tiền Phú đưa cho Thảo cầm. Trương Thị N được Trương Minh P đưa cho 100.000 đồng là tiền mượn địa điểm đánh bạc, số tiền này Niên đã sử dụng để đánh bạc. Ngoài ra, tại nơi đánh bạc còn có Triệu Văn K, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, tuy nhiên K chỉ đứng xem, không tham gia đánh bạc. Đến 15 giờ 20 phút ngày 26/3/2021 thì bị Công an huyện Hữu Lũng bắt quả tang. Những người bị bắt gồm: Trương Minh P, Trương Thị N, Lê Thị K, Giang Văn Đ, Chu Thị H, Đàm Thị B, Linh Văn D và Hoàng Thị K. Phát hiện và tạm giữ:

- Tại nơi đánh bạc: 01 chiếc bát sứ; 01 chiếc đĩa sứ; 04 quân bị bằng tre một mặt tô màu đen; 02 chiếc bạt, trong đó có 01 chiếc cả hai mặt đều màu xanh, kích thước 04m x 03m, 01 chiếc một mặt màu xanh, một mặt màu cam, kích thước 3,92m x 1,41m; 01 bảng vị bằng bìa cát tông, kích thước 30cm x 27,5cm;

- Trên cây bưởi cạnh nơi đánh bạc: 01 túi ni lông màu đỏ, bên trong có một chiếc kéo kim loại dài 23cm, phần tay cầm bằng nhựa màu vàng; 01 thanh tre dài 13cm, rộng 1,1cm; 01 chiếc bút lông màu đen; 04 quân vị bằng tre một mặt tô màu đen.

- Tạm giữ trên người các đối tượng:

+ Trương Minh P: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng, số Imei 956.9226.

+ Giang Văn Đ: Số tiền 1.690.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh, số sê ri 80381.

+ Trương Thị N: 110.000 đồng gồm 50.000 đồng tại địa điểm đánh bạc và 60.000 đồng giao nộp khi về đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng.

+ Đàm Thị B 350.000 đồng.

+ Chu Thị H: 3.080.000 đồng gồm 2.680.000 đồng thu tại địa điểm bắt quả tang, 400.000 đồng giao nộp khi về đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng.

+ Linh Văn D: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V2029 màu đen,

số Imei 1: 811694, số Imei 2: 811696.

+ Hoàng Thị K: 100.000 đồng.

+ Lê Thị K: 1.130.000 đồng; 02 điện thoại di động trong đó 01 chiếc nhãn hiệu Nokia 106 màu đen, số Imei 1: 174752, số Imei 2: 174751 và 01 chiếc nhãn hiệu Vsmart Joy2 màu xanh, số Imei 1: 96038, số Imei 2: 96046.

+ Triệu Văn K: 39.000 đồng.

Những bị cáo còn lại đã bỏ chạy thoát, sau đó một số bị cáo đã đến Công an huyện Hữu Lũng đầu thú gồm:

- Ngày 31/3/2021 có Chu Thị N, Đàm Thị C, Lâm Thị T.

- Ngày 06/4/2021 có Lương Văn T và Hoàng Thị T.

- Ngày 07/4/2021 có Linh Tiên Hoàng, Lương Văn N, Phùng Thị L, Nông Văn V.

Ngày 12/4/2021, Lương Văn T giao nộp số tiền 1.030.000 đồng gồm: 350.000 đồng là tiền phế T và P đã thu được của những người đến đánh bạc, 680.000 đồng là tiền của Trương Minh P sử dụng đánh bạc đưa cho Thảo cầm hộ, Lương Văn N giao nộp số tiền 140.000 đồng là tiền sử dụng đánh bạc.

Tại Bản kết luận giám định số 236/KLGĐ-PC09, ngày 24/4/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận toàn bộ số tiền 7.669.000 đồng gửi giám định đều là tiền thật.

Hình thức đánh bạc xóc đĩa như sau: Người xóc cái ngồi ở một đầu bạt, đặt 04 quân vị vào trong chiếc đĩa sứ, úp bát lên và xóc. Quy định người ngồi bên phải của người xóc cái là bên chẵn, người ngồi bên trái là bên lẻ, khi người đánh bạc đặt tiền xong thì người xóc cái mở bát xem kết quả. Nếu số quân vị trong đĩa có số mặt trắng hoặc đen là số chẵn thì người cược bên chẵn thắng và ngược lại. Số tiền người thắng được hưởng là 1 ăn 1, số tiền bên thua cược được lấy trả cho bên thắng cược, nếu còn thừa thì người xóc cái được hưởng, nếu thiếu thì người xóc cái phải bỏ ra để trả cho những người thắng. Quá trình Trương Minh P xóc cái, Lương Văn T giúp Phú thu và trả tiền cho những người đánh bạc.

Hình thức đánh bảng vị: Bảng vị là một hình chữ nhật cắt từ bìa cát tông được kẻ thành 04 ô, mỗi ô vẽ 04 hình tròn gồm: 01 ô có 04 hình tròn không tô màu gọi là 04 ô trắng, 01 ô có 04 hình tròn tô đen gọi là 04 ô đen (là 02 ô chẵn), 01 ô có 03 hình tròn tô đen, 01 hình tròn không tô màu là ô 03 đen và 01 ô có 03 hình tròn không tô màu, 01 hình tròn tô đen gọi là 03 ô trắng (là 02 ô lẻ). Người đánh bạc đặt tiền vào các ô trên bảng vị, kết quả ván bạc căn cứ theo kết quả xóc đĩa, kết quả tương ứng với ô nào thì người đánh bạc cược ở ô đó thắng theo tỷ lệ gấp 2 lần tại các ô lẻ và gấp 9 lần tại các ô chẵn, nếu kết quả xóc đĩa là hai trắng hai đen thì người đánh bạc thua, người cầm bảng vị được hưởng toàn bộ số tiền trên các ô vị. Những người tham gia đánh bảng vị với Giang Văn Đ gồm Trương Minh P, Nguyễn Tiến M, Linh Văn D.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là rõ là 6.620.000 đồng, trong đó Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng đã tạm giữ 6.580.000 đồng và 40.000 đồng của bị cáo Triệu Thị M chưa giao nộp. Số tiền Trương Minh P và Lương Văn T đã thu lợi bất chính ngày 26/3/2021 là 350.000 đòng, trong đó 150.000 đồng do Lương Văn T thu của Phùng Thị L, Hoàng Thị T, Nông Văn V mỗi người 40.000 đồng và Nông Văn T 30.000 đồng, 200.000 đồng do Trương Minh P thu của Giang Văn Đ, Nông Văn T, Lương Văn N, Chu Thị H và Lâm Thị T mỗi người 40.000 đồng, sau đó đưa cho Thảo giữ.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng đã làm rõ liên quan đến việc phạm tôi của các bị cáo gồm:

- Số tiền 6.580.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc, gồm toàn bộ số tiền tạm giữ của Chu Thị H 3.080.000 đồng, Lê Thị K 1.130.000 đồng, Trương Thị N 110.000 đồng, Hoàng Thị K 100.000 đồng, số tiền 1.190.000 đồng tạm giữ của Giang Văn Đ; 150.000 đồng tạm giữ của Đàm Thị B; 680.000 đồng do Lương Văn T giao nộp và 140.000 đồng của Lương Văn N giao nộp.

- 350.000 đồng là tiền các bị cáo Trương Minh P, Lương Văn T, Linh Tiên Hthu lợi bất chính từ việc đánh bạc ngày 26/3/2021.

- 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 08 quân vị, 02 chiếc bạt, 01 bảng vị, 01 chiếc kéo, 01 chiếc bút lông, 01 thanh tre là công cụ do Trương Minh P và Lương Văn T chuẩn bị để tổ chức đánh bạc. Chiếc túi ni lông màu đỏ do bị cáo Lương Văn T sử dụng để đựng các dụng cụ đánh bạc.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng, số Imei 956.9226 của bị cáo Trương Minh P sử dụng để gọi người đến đánh bạc.

Các đồ vật, tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo gồm:

- 04 chiếc điện thoại di động tạm giữ của Giang Văn Đ, Linh Văn D, Lê Thị K dùng để liên lạc hàng ngày.

- Số tiền 500.000 đồng tạm giữ của Giang Văn Đ, 200.000 đồng của Đàm Thị B, và 39.000 đồng của Triệu Văn K không sử dụng vào việc đánh bạc.

Các vật chứng, tài sản, đồ vật hiện đang tạm giữ.

Đối với chiếc điện thoại Lương Văn T sử dụng liên lạc với Linh Tiên H trao đổi về việc tổ chức đánh bạc, Thảo khai đã bị rơi khi bỏ chạy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng đã truy tìm nhưng không thu giữ được. Chiếc điện thoại di động của Linh Tiên H và chiếc điện thoại di động của Chu Thị H sử dụng vào việc phạm tội, các bị cáo khai nhận đã làm mất, không nhớ cụ thể ở đâu nên không có cơ sở truy tìm.

Số tiền thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc các ngày 24/3/2021 và 25/3/2021 của Trương Minh P là 350.000 đồng, Lương Văn T 350.000 đồng, Linh Tiên H 400.000 đồng. Trong đó, Trương Minh P đã sử dụng số tiền trên để đánh bạc ngày 26/3/2021; số tiền của Lương Văn T, Linh Tiên H đã sử dụng hết.

Số tiền 100.000 đồng Trương Thị N được thu lợi từ ngày 25/3/2021, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Triệu Thị M khai nhận, tổng số tiền bị cáo sử dụng đánh bạc và thắng được là 40.000 đồng, bị cáo nghỉ về trước và đã sử dụng hết số tiền trên.

Đối với hành vi tổ chức đánh bạc các ngày 24 và 25/3/2021 do không điều tra, làm rõ được số người tham gia đánh bạc và số tiền đánh bạc nên không có cơ sở để xem xét, xử lý.

Đối với Triệu Văn K là người có mặt tại địa điểm đánh bạc nhưng không tham gia đánh bạc nên không xem xét xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 30 tháng 7 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố cụ thể như sau:

Các bị cáo Trương Minh P, Lương Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn truy tố về tội Tổ chức đánh bạc theo điểm a khoản 1 Điều 322 và tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trương Thị N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn truy tố về tội Gá bạc theo theo điểm b khoản 1 Điều 322 và tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Linh Tiên H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn truy tố về tội Tổ chức đánh bạc theo điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nông Văn T1, Nguyễn Tiến M, Nông Văn T2, Giang Văn Đ, Lương Văn N, Lê Thị K, Chu Thị H, Linh Văn D, Hoàng Thị K, Đàm Thị B, Nông Văn V, Chu Văn B, Phùng Thị L, Lâm Thị T, Hoàng Thị T, Chu Thị N, Đàm Thị C, Triệu Thị M bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn truy tố về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo Lê Thị K thay đổi lời khai nhưng sau đó cũng thừa nhận toàn bộ hành vi của mình. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Đề nghị tuyên bố:

+ Các bị cáo Trương Minh P và Lương Văn T phạm tội Tổ chức đánh bạc và tội Đánh bạc;

+ Bị cáo Trương Thị N phạm tội Gá bạc và tội Đánh bạc;

+ Bị cáo Linh Tiên H phạm tội tổ chức Đánh bạc;

+ Các bị cáo Nông Văn T1, Nguyễn Tiến M, Nông Văn T2, Giang Văn Đ, Lương Văn N, Lê Thị K, Chu Thị H, Linh Văn D, Hoàng Thị K, Đàm Thị B, Nông Văn V, Chu Văn B, Phùng Thị L, Lâm Thị T, Hoàng Thị T, Chu Thị N, Đàm Thị C và Triệu Thị M phạm tội Đánh bạc.

- Về hình phạt:

1. Trương Minh P: Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử

phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội tổ chức đánh bạc. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội đánh bạc. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

2. Lương Văn T: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội tổ chức đánh bạc. Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội đánh bạc. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù.

3. Trương Thị N: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội gá bạc. Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội đánh bạc. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù. Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/3/2021 đến ngày 01/4/2021.

4. Linh Tiên H: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

5. Nông Văn T1: Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 38, 50, 56, 58, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 08 tháng đến 10 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù của bản án số 50/2018/HS-ST ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 03 năm 08 tháng đến 03 năm 10 tháng tù. Được trừ thời gian tạm giam của bản án số 50 từ ngày 24/01/2018 đến ngày 16/7/2018.

6. Nguyễn Tiến M: Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 tháng đến 09 tháng tù.

7. Nông Văn T2: Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 tháng đến 09 tháng tù.

8. Giang Văn Đ: Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 08 tháng tù. Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/3/2021 đến ngày 01/4/2021.

9. Lương Văn N: Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

10. Lê Thị K: Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

11. Chu Thị H: Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

12. Linh Văn D: Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

13. Hoàng Thị K: Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s Khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

14. Đàm Thị B: Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

15. Chu Văn B: Căn cứ khoản 1 Điều 321, các Điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

16. Triệu Thị M: Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

17. Nông Văn V: Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 50, 54, 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 04 tháng đến 06 tháng tù.

18. Phùng Thị L: Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 36, 50, 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

19. Lâm Thị T: Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 36, 50, 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

20. Hoàng Thị T: Căn cứ Khoản 1 Điều 321, các Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 36, 50, 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

21. Chu Thị N: Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 36, 50, 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

22. Đàm Thị C: Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 36, 50, 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo đề nghị hình phạt cải tạo không giam giữ do các bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định.

b) Xử lý vật chứng: Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ Số tiền 7.820.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc và tiền thu lợi bất chính, cụ thể: 6.930.000 đồng đã tạm giữ gồm Chu Thị H 3.080.000 đồng, Lê Thị K 1.130.000 đồng, Trương Thị N 110.000 đồng, Hoàng Thị K 100.000 đồng; Giang Văn Đ 1.190.000 đồng; Đàm Thị B 150.000 đồng, Lương Văn T 1.030.000 đồng, Lương Văn N 140.000. Số tiền 890.000 đồng các bị cáo chưa giao nộp gồm 400.000 đồng của Linh Tiên H, 350.000 đồng của Lương Văn T, 100.000 đồng của Trương Thị N và 40.000 đồng của Triệu Thị M.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng, số imei 956.9226 của Trương Minh P.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 08 quân vị, 02 chiếc bạt, 01 bảng vị, 01 chiếc kéo, 01 chiếc bút lông, 01 thanh tre, 01 túi ni lông màu đỏ.

- Trả lại:

+ Ông Triệu Văn K: 39.000 đồng.

+ Bị cáo Giang Văn Đ: Số tiền 500.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 màu xanh, số sê ri 80381.

+ Bị cáo Đàm Thị B: 200.000 đồng.

+ Bị cáo Lê Thị K: 02 chiếc điện thoại di động trong đó 01 chiếc nhãn hiệu NOKIA 106 màu đen, số imei 1: 174752, số imei 2: 174751 và 01 chiếc nhãn hiệu VSMART JOY2 màu xanh, số imei 1: 96038, số imei 2: 96046.

Bị cáo Linh Văn D: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V2029 màu đen, số imei 1: 811694, số imei 2: 811696.

Bị cáo Lương Văn T có ý kiến tranh luận về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Kiểm sát viên đối đáp việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đã đảm bảo theo quy định pháp luật. Các bị cáo còn lại không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo trình bày đã ăn năn hối cải xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Triệu Văn K vắng mặt, lời khai của ông K tại cơ quan điều tra đã rõ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử, do đó căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ai có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 20/3/2021, Lương Văn T rủ Trương Minh P góp tiền mua dụng cụ tổ chức đánh bạc để thu tiền. P đồng ý và góp tiền cho T đi mua bạt, bát, đĩa, kéo và bút lông để làm dụng cụ đánh bạc và được cất giấu tại quán bán hàng của Phú. Sau khi phân công nhiệm vụ cụ thể, để thuận lợi cho việc tổ chức đánh bạc, Trương Minh P bảo Lương Văn T rủ thêm Linh Tiên H tham gia làm người cảnh giới giúp P và T, số tiền phế thu được của mỗi buổi sẽ chia cho H 200.000 đồng, số còn lại P và T chia đôi. Trương Minh P chọn địa điểm đánh bạc là tại bãi trồng cây bưởi của Trương Thị N ở thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Trong các ngày 24/3/2021 và 25/3/2021, Trương Minh P, Lương Văn T và Linh Tiên H đã tổ chức cho nhiều người đánh bạc nhưng không xác định được là ai và số tiền đánh bạc. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 26/3/2021, Trương Minh P, Lương Văn T và Linh Tiên H đã tổ chức cho nhiều người đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa. Trương Minh P đã trực tiếp xóc cái đánh bạc với mọi người; Lương Văn T giúp Phú làm "hồ lỳ" để trả và thu tiền của những người đánh bạc, Giang Văn Đ cầm bảng vị; những người tham gia đánh bạc gồm: Trương Thị N, Nông Văn T1, Nguyễn Tiến M, Nông Văn T2, Lương Văn N, Lê Thị K, Chu Thị H, Linh Văn D, Hoàng Thị K, Đàm Thị B, Nông Văn V, Chu Văn B, Phùng Thị L, Lâm Thị T, Hoàng Thị T, Chu Thị N, Đàm Thị C và Triệu Thị M. Trương Thị N được Trương Minh P trả 100.000 đồng vì cho P mượn địa điểm tổ chức đánh bạc, số tiền trên Trương Thị N đã sử dụng để đánh bạc. Tổng số tiền Trương Minh P và các bị cáo sử dụng để đánh bạc làm rõ được là 6.620.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính của Trương Minh P, Lương Văn T và Linh Tiên H là 350.000 đồng.

[4] Hành vi của các bị cáo Trương Minh P, Lương Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đánh bạc theo điểm a khoản 1 Điều 322 và tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Trương Thị N đã đủ yếu tố cấu thành tội Gá bạc theo điểm b khoản 1 Điều 322 và tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Linh Tiên H đã đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đánh bạc theo điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo Nông Văn T1, Nguyễn Tiến M, Nông Văn T2, Giang Văn Đ, Lương Văn N, Lê Thị K, Chu Thị H, Linh Văn D, Hoàng Thị K, Đàm Thị B, Nông Văn V, Chu Văn B, Phùng Thị L, Lâm Thị T, Hoàng Thị T, Chu Thị N, Đàm Thị C, Triệu Thị M đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp

đến trật tự công cộng, ảnh hưởng không tốt đến trật tự trị an trên địa bàn. Để bảo vệ trật tự công cộng, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa cần phải xử lý nghiêm các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung tội phạm.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo Trương Minh P, Nguyễn Tiến M, Nông Văn T1, Nông Văn T2 đều có 01 tiền án; bị cáo Giang Văn Đ đã nhiều lần bị xét xử về tội Đánh bạc; bị cáo Nông Văn V quá trình chuẩn bị xét xử vụ án tiếp tục phạm tội mới; bị cáo Lương Văn N đã có hành vi đánh bạc được miễn trách nhiệm hình sự do chính mới nhân đạo của Nhà nước. Do đó, xác định các bị cáo có nhân thân xấu. Các bị cáo Trương Thị N, Lương Văn T, Linh Tiên Hoàng, Lê Thị K, Chu Thị H, Linh Văn D, Hoàng Thị K, Đàm Thị B, Chu Văn B, Phùng Thị L, Lâm Thị T, Hoàng Thị T, Chu Thị N, Đàm Thị C và Triệu Thị M, chưa có tiền án, tiền sự nên xác định có nhân thân tốt.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[8] Các bị cáo Lâm Thị T, Chu Thị N, Đàm Thị C, Nông Văn V, Hoàng Thị T, Phùng Thị L thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Hoàng Thị T có bố đẻ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhì, các bị cáo Lâm Thị T, Chu Thị N, Đàm Thị C, Nông Văn V, Phùng Thị L sau khi phạm tội đã đến đầu thú tại cơ quan điều tra. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Các bị cáo Giang Văn Đ, Nông Văn T1, Nguyễn Tiến M, Nông Văn T thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] Các bị cáo Linh Tiên H, Lương Văn N thành khẩn khai báo, bị cáo H sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo N có bố đẻ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[11] Các bị cáo Chu Thị H, Lê Thị K, Linh Văn D, Hoàng Thị K, Đàm Thị B, Chu Văn B, Triệu Thị M thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[12] Bị cáo Trương Thị N thành khẩn khai báo, gia đình có bố đẻ được tặng thưởng huy chương nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự về tội Gá bạc và tội Đánh bạc.

[13] Bị cáo Lương Văn T thành khẩn khai báo, bị cáo tự ra đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự về tội Tổ chức đánh bạc và tội Đánh bạc.

[14] Bị cáo Trương Minh P thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật

Hình sự về tội Tổ chức đánh bạc và tội Đánh bạc.

[15] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Minh P, Nguyễn Tiến M, Nông Văn T1 đã bị xét xử về tội đánh bạc chưa được xóa án tích, bị cáo Nông Văn T1 bị xét xử về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ chưa hết thời gian thử thách. Do đó, các bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng tái phạm, theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[16] Xét về vai trò đồng phạm: Bị cáo Trương Minh P là người có vai trò chính trong vụ án, bị cáo là người chọn địa điểm, thời gian tổ chức đánh bạc, thu tiền phế của những người đánh bạc, phân công nhiệm vụ, rủ thêm người cảnh giới, tham gia xóc cái, đánh bạc. Bị cáo Lương Văn T có vai trò thứ hai là người rủ rê, khởi xướng, góp tiền mua dụng cụ, chuẩn bị công cụ, phương tiện đánh bạc, rủ thêm người làm cảnh giới, làm hồ lỳ giúp P thu và trả tiền những người đánh bạc. Bị cáo Trương Thị N là người cho mượn địa điểm đánh bạc được trả tiền và tham gia đánh bạc. Bị cáo Linh Tiên H được phân công làm nhiệm vụ cảnh giới, số tiền phế thu được mỗi buổi sẽ được chia cho 200.000 đồng. Các bị cáo còn lại đều cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc, trong đó có bị cáo Giang Văn Đ cầm bảng vị. Mặc dù, các bị cáo cố ý cùng thực hiện tội phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ. Đối với các bị cáo tham gia đánh bạc, không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đều là người thực hành, trực tiếp đặt tiền đánh bạc.

[17] Trên cơ sở xem xét, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy các bị cáo Linh Tiên H, Lương Văn N, Lê Thị K, Chu Thị H, Linh Văn D, Hoàng Thị K, Đàm Thị B, Phùng Thị L, Lâm Thị T, Hoàng Thị T, Chu Thị N, Đàm Thị C và Triệu Thị M, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung tội phạm. Các bị cáo Lê Thị K, Chu Thị H, Linh Văn D, Hoàng Thị K, Đàm Thị B, Triệu Thị M, Linh Tiên H, Lương Văn N được áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Các bị cáo Phùng Thị L, Lâm Thị T, Hoàng Thị T, Chu Thị N, Đàm Thị C được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

[18] Về khấu trừ thu nhập: Đối với các bị cáo Phùng Thị L, Lâm Thị T, Hoàng Thị T, Chu Thị N, Đàm Thị C được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, xét thấy nghề nghiệp chính của các bị cáo là làm ruộng, nguồn thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên không thực hiện khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[19] Xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Trương Minh P, Nguyễn Tiến M, Nông Văn T1, Nông Văn T2, Trương Thị N, Lương Văn T, Chu Văn B, Nông Văn V, Giang Văn Đ, nhận thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[20] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo nghề nghiệp chính là làm ruộng, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[21] Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo Nông Văn T1 phạm tội khi đang trong thời gian thử thách của bản án số: 50/2018/HS-ST, ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn hình phạt 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Do đó, tổng hợp hình phạt của bản án số: 50/2018/HS-ST, ngày 16/7/2018 với hình phạt của bản án này để quyết định hình phạt chung.

[22] Đối với ông Triệu Văn K là người có mặt tại địa điểm đánh bạc nhưng không tham gia đánh bạc nên không xem xét xử lý là có căn cứ.

[23] Đối với ông Lăng Văn T là chồng của bị cáo Trương Thị N, khi bị cáo N cho mượn địa điểm bãi trồng cây bưởi của gia đình ông để tổ chức đánh bạc, ông không biết nên không xem xét xử lý là phù hợp.

[24] Đối với hành vi tổ chức đánh bạc các ngày 24 và 25/3/2021 do không điều tra, làm rõ được số người tham gia đánh bạc và số tiền đánh bạc nên không có cơ sở để xem xét, xử lý.

[25] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 bát sứ đường kính miệng bát 11cm; 01 đĩa sứ đường kính 18cm; 08 quân vị bằng tre hình hộp chữ nhật kích thước dài 1,6cm, rộng 1,1cm, dày 0,2cm, một mặt màu nâu, một mặt màu đen; 01 chiếc bạt hình chữ nhật một mặt đều màu xanh, một mặt màu cam kích thước 3,92 x 1,41m; 01 chiếc bạt hình chữ nhật hai mặt đều màu xanh kích thước 4 x 3m; 01 bảng vị bằng bìa cát tông hình chữ nhật, kích thước 30 x 27,5cm; 01 túi ni lông màu đỏ; 01 chiếc kéo bằng kim loại có tay cầm bằng nhựa màu vàng, kéo dài 23cm; 01 thanh tre màu nâu, kích thước dài 13cm, rộng 1,1cm, dày 0,2cm; 01 bút lông hình trụ màu đen.

[26] Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng; Tiền Việt Nam 6.930.000 đồng.

[27] Trả lại cho bị cáo Giang Văn Đ 500.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, số tiền 500.000 đồng được tạm giữ để thi hành án phần án phí, số tiền còn lại sẽ được trả lại cho bị cáo.

[28] Trả lại cho bị cáo Linh Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V2029.

[29] Trả cho bị cáo Lê Thị K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106 và 01 điện thoại nhãn hiệu Vsmat Joy2 màu xanh.

[30] Trả lại bị cáo Đàm Thị B số tiền 200.000 đồng, tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[31] Trả lại cho ông Triệu Văn K số tiền 39.000 đồng do không liên quan đến vụ án.

[32] Truy thu số tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc mà có của các bị cáo, cụ thể: Bị cáo Lương Văn T số tiền 350.000 đồng, bị cáo Linh Tiên H số tiền 400.000 đồng, bị cáo Trương Thị N số tiền 100.000 đồng, bị cáo Triệu Thị M số tiền 40.000 đồng.

[33] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đã xảy ra, đúng với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[34] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng sung công quỹ nhà nước, theo quy định tại khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Trương Minh P, Lương Văn T phạm tội Tổ chức đánh bạc và tội Đánh bạc.

- Bị cáo Trương Thị N phạm tội Gá bạc và tội Đánh bạc.

- Bị cáo Linh Tiên H phạm tội Tổ chức đánh bạc.

- Các bị cáo Nông Văn T1, Nguyễn Tiến M, Nông Văn T2, Giang Văn Đ, Lương Văn N, Lê Thị K, Chu Thị H, Linh Văn D, Hoàng Thị K, Đàm Thị B, Nông Văn V, Chu Văn B, Phùng Thị L, Lâm Thị T, Hoàng Thị T, Chu Thị N, Đàm Thị C, Triệu Thị M phạm tội Đánh bạc.

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Minh P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Minh P 01 (một) năm tù về tội Đánh bạc.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/3/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lương Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lương Văn T 09 (chín) tháng tù về tội Đánh bạc.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình chung của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Thị N 01 (một) năm tù về tội Gá bạc.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Thị N 06 (sáu) tháng tù về tội Đánh bạc.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 26/3/2021 đến ngày 01/4/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến M 07 (bảy) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 09/4/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 38, Điều 56, Điều 58, Điều 65, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn T1 08 (tám) tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm của bản án số: 50/2018/HS-ST, ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 09/4/2021, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam của bản án số: 50/2018/HS-ST, ngày 16/7/2018 từ ngày 24/01/2018 đến ngày 16/7/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn T2 07 (bảy) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 09/4/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

7. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Chu Văn B 07 (bảy) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/5/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

8. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn V 04 (bốn) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

9. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Giang Văn Đ 06 (sáu) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/3/2021 đến ngày 01/4/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

10. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Triệu Thị M 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/8/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

11. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn N 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/8/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

12. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Linh Văn D 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

13. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đàm Thị B 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/8/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

14. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Linh Tiên H 01 (một) năm tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/8/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

15. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Chu Thị H 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/8/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

16. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị K 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/8/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

17. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị K 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/8/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

18. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lâm Thị T 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ.

Được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nhận được bản án và quyết định thi hành án. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

19. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Chu Thị N 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ.

Được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nhận được bản án và quyết định thi hành án. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

20. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đàm Thị C 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ.

Được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nhận được bản án và quyết định thi hành án. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

21. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ.

Được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nhận được bản án và quyết định thi hành án. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

22. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phùng Thị L 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ.

Được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nhận được bản án và quyết định thi hành án. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước: Số tiền Việt Nam 6.930.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng, số Imei 9569226 đã qua sử dụng.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 bát sứ đường kính miệng bát 11cm; 01 đĩa sứ đường kính 18cm; 08 quân vị bằng tre hình hộp chữ nhật kích thước dài 1,6cm, rộng 1,1cm, dày 0,2cm, một mặt màu nâu, một mặt màu đen; 01 chiếc bạt hình chữ nhật một mặt đều màu xanh, một mặt màu cam kích thước 3,92 x 1,41m; 01 chiếc bạt hình chữ nhật hai mặt đều màu xanh kích thước 4 x 3cm; 01 bảng vị bằng bìa cát tông hình chữ nhật kích thước 30 x 27,5cm; 01 túi ni lông màu đỏ; 01 chiếc kéo bằng kim loại có tay cầm bằng nhựa màu vàng, kéo dài 23cm; 01 thanh tre màu nâu, kích thước dài 13cm, rộng 1,1cm, dày 0,2cm; 01 bút lông hình trụ màu đen.

- Trả lại cho bị cáo Giang Văn Đ số tiền 500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh, số serial 80381, đã qua sử dụng. (Số tiền 500.000 đồng sẽ được tạm giữ sau khi thi hành xong phần án phí sẽ được trả lại)

- Trả lại cho bị cáo Linh Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V2029 màu đen, số Imei1 811694, số Imei 2 811696, đã qua sử dụng.

- Trả cho bị cáo Lê Thị K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106, màu đen, số Imei1 174752, số Imei2 174751 và 01 điện thoại nhãn hiệu Vsmat Joy2 màu xanh, số Imei1 96038, số Imei2 96046, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Đàm Thị B số tiền 200.000 đồng (tạm giữ để đảm bảo thi hành án).

- Trả lại cho ông Triệu Văn K số tiền 39.000 đồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/8/2021 giữa Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn)

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính đối với các bị cáo, cụ thể: Bị cáo Lương Văn T số tiền 350.000 đồng, bị cáo Trương Thị N 100.000 đồng, bị cáo Linh Tiên H số tiền 400.000 đồng và bị cáo Triệu Thị M số tiền 40.000 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trương Minh P, Lương Văn T, Trương Thị N, Linh Tiên Hoàng, Nông Văn T1, Nguyễn Tiến M, Nông Văn T2, Giang Văn Đ, Lương Văn N, Lê Thị K, Chu Thị H, Linh Văn D, Hoàng Thị K, Đàm Thị B, Nông Văn V, Chu Văn B, Phùng Thị L, Lâm Thị T, Hoàng Thị T, Chu Thị N, Đàm Thị C ,Triệu Thị M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đđ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Tuyết